

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thị Thanh Hoa

QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN
(2003- 2024)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Phạm Văn Thủy
2. TS. Phạm Thị Yên

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Duy Lợi

*Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học Xã hội,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện: PGS.TS. Dương Văn Huy

*Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ đầu thế kỷ thứ 21, khu vực Đông Bắc Á liên tục diễn ra các cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, những biến động của trật tự khu vực cùng vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên tạo ra nhiều thách thức với chính sách đối ngoại của Hàn Quốc và Nhật Bản. Với mục đích vừa đảm bảo an ninh quốc gia, vừa duy trì sự tăng trưởng kinh tế, hai quốc gia đã tăng cường liên minh với Mỹ, duy trì hợp tác với Trung Quốc và cùng phối hợp ứng phó với các vấn đề an ninh khu vực. Trong tiến trình đó, việc duy trì quan hệ song phương ổn định trở thành một nhu cầu có ý nghĩa chiến lược.

Tuy nhiên, quan hệ Hàn Quốc và Nhật Bản luôn chịu tác động của bởi những vấn đề thuộc địa, tranh chấp lãnh thổ, ký ức lịch sử. Những yếu tố này khiến quan hệ chính trị nhiều lần rơi vào trạng thái căng thẳng, mặc dù lãnh đạo hai nước qua nhiều nhiệm kỳ đã thúc đẩy sự đối thoại và hòa giải.

Song song đó, trước làn sóng toàn cầu hóa, sức mạnh mềm ngày càng khẳng định được vai trò chiến lược trong quan hệ quốc tế. Theo Joseph S. Nye Jr. (2004), sức mạnh mềm được hình từ ba nguồn lực cơ bản: văn hóa, các giá trị chính trị và chính sách đối ngoại. Trong đó, văn hóa không chỉ đóng góp xây dựng hình ảnh quốc gia mà còn tạo sự đồng cảm, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và mở rộng ảnh hưởng quốc tế.

Vì vậy, văn hóa đối với Hàn Quốc và Nhật Bản lúc này đã vượt ra khỏi phạm vi giao lưu xã hội để trở thành một công cụ hỗ trợ ngoại giao, góp phần duy trì sự kết nối cũng như hạn chế những tác động tiêu cực từ những bất đồng chính trị. Hợp tác văn hóa đã trở thành một phần không thể thiếu trong các Hội nghị thượng đỉnh song phương với sự đa dạng hình thức hướng đến đối tượng nhiều thế hệ người dân cả hai quốc gia. Nhờ việc thực thi tuân thủ cam kết, những thành tựu đáng kể đã đạt được đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế, du lịch và nền văn hóa của mỗi quốc gia.

Sự phát triển quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản gắn liền với chiến lược phát huy sức mạnh mềm của mỗi quốc gia. Nhật Bản chú trọng phát triển đồng đều giữa văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng, truyền bá những giá trị bản sắc quốc gia và đẩy mạnh hợp tác (Hạ Phi Lan, 2012). Trong khi đó, Hàn Quốc ưu tiên thúc đẩy sự phát triển văn hóa đại chúng như một ngành công nghiệp chiến lược, đồng thời sử dụng ngoại giao văn hóa để nâng cao vị thế quốc gia trên thế giới (Hwang, J.E., 2013). Nếu Nhật Bản được xem như một quốc gia đặt nền móng cho sự phát triển công nghiệp văn hóa ở châu Á thì Hàn Quốc lại tạo nên một sự bứt phá với

sự lan tỏa mạnh của Làn sóng Hàn Quốc (Hallyu). Điều này làm Nhật Bản và cộng đồng quốc tế phải thay đổi nhận thức về vai trò của văn hóa trong cạnh tranh và hợp tác giữa các quốc gia.

Giai đoạn 2003 - 2024 chứng kiến một sự vận động trong quan hệ văn hóa theo chiều hướng đan xen giữa hợp tác và xung đột. Một mặt, sự kết nối xã hội về văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng, cụ thể thông qua giao lưu nhân dân, du lịch, giáo dục, nghệ thuật và công nghiệp văn hóa tiếp tục được mở rộng. Mặt khác, những tranh cãi liên quan đến sách giáo khoa lịch sử, vấn đề phụ nữ mua vui, lao động cưỡng bức, đền Yasukuni, tranh chấp Dokdo/Takeshima nhiều lần làm gián đoạn tiến trình hợp tác. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các hoạt động giao lưu văn hóa vẫn được duy trì và có sức phục hồi nhanh hơn quan hệ chính trị. Qua đó, quan hệ văn hóa phản ánh tính độc lập tương đối và đóng vai trò cầu nối giữa hai quốc gia.

Xuất phát từ thực tiễn đó, đề tài “Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản 2003 - 2024” được lựa chọn nhằm làm rõ sự vận động của quan hệ văn hóa trong bối cảnh quan hệ chính trị nhiều biến động; phân tích vai trò văn hóa như một nguồn lực sức mạnh mềm, một kênh ngoại giao và nền tảng thúc đẩy lòng tin và lợi ích giữa hai quốc gia. Luận án góp phần bổ sung cách tiếp cận văn hóa trong quan hệ quốc tế, làm rõ mối quan hệ giữa giao lưu văn hóa, sức mạnh mềm, nhận thức xã hội và chính sách đối ngoại. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở tham khảo cho việc thúc đẩy sự hợp tác văn hóa, ngoại giao nhân dân, giao lưu xã hội giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Điều này gợi mở kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc triển khai ngoại giao văn và quá trình phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của luận án nhằm làm rõ sự vận động của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản (2003 - 2024). Trên cơ sở đó, luận án làm nổi bật vai trò của văn hóa trong việc hàn gắn quan hệ giữa hai quốc gia, những tác động của quan hệ văn hóa vào sự phát triển kinh tế và chính nền văn hóa của mỗi quốc gia. Thông qua đó, luận án sẽ đưa ra dự báo về kịch bản của mối quan hệ song phương này trong tương lai cùng khuyến nghị cho Việt Nam trong hành trình xây dựng công nghiệp văn hóa, quảng bá thương hiệu cũng như cân bằng hợp tác văn hóa với cả Hàn Quốc và Nhật Bản.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Về đối tượng nghiên cứu:

Luận án tập trung nghiên cứu về quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản.

Về phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung vào các hoạt động hợp tác, giao lưu giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong lĩnh vực văn hóa, tập trung vào khía cạnh văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng.

Phạm vi không gian: Việc nghiên cứu Luận án sẽ tập trung vào quốc gia Hàn Quốc và Nhật Bản trong bối cảnh khu vực Đông Á.

Phạm vi thời gian: Giai đoạn từ 2003 - 2024 được lựa chọn cho luận án. Mốc thời gian bắt đầu năm 2003 là bắt đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun vốn là nhà lãnh đạo đất nước đầu tiên sinh ra sau thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng Hàn Quốc với hành động tích cực xóa bỏ định kiến “láng giềng gần nhưng xa” thúc đẩy cải thiện quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản bước vào thế kỷ 21. Mốc thời gian 2024 được lấy làm thời điểm kết thúc luận án cũng là lúc hai quốc gia đang bước vào “chương lịch sử mới” khi nối lại quan hệ ngoại giao con thoi phục hồi mối quan hệ đã bị đóng băng sau một thời gian từ cuộc thương chiến 2019, làm tiền đề 60 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao Hàn-Nhật. Năm 2024 cũng đánh dấu Hội nghị Thượng đỉnh ba bên Nhật - Trung - Hàn lần thứ 9 đẩy mạnh việc trao đổi văn hóa liên quốc gia. Những động thái này giúp quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản càng được thắt chặt.

4. Cách tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu

Với cấp độ *Hệ thống quốc tế*, sự vận hành chung của hệ thống kinh tế - chính trị toàn cầu với sự nổi lên sức mạnh mềm hiện nay. Hàn Quốc và Nhật Bản sử dụng văn hóa để củng cố thêm vị thế qua việc xây dựng hình ảnh, thiện cảm xã hội gắn với lợi ích quốc gia.

Với cấp độ *Liên quốc gia* các cơ chế hợp tác ba bên đóng vai trò nền tảng thể chế hóa giúp ích cho việc duy trì đối thoại và mở rộng hợp tác của hai quốc gia ngay cả khi quan hệ chính trị song phương gặp nhiều khó khăn. Trong đó, nhiều chủ thể phi Nhà nước như các doanh nghiệp văn hóa, cơ sở giáo dục, nghệ sĩ, cộng đồng công chúng đã cùng tham gia.

Với cấp độ *Quốc gia*, quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản được xem xét thông qua các yếu tố nội tại của mỗi quốc gia, bao gồm chính sách đối ngoại về văn hóa, chiến lược phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa quốc gia và bản sắc dân tộc.

Với cấp độ *Cá nhân*, trong giai đoạn 2003-2024, khi văn hóa được khai thác triệt để về tính kinh tế-chính trị, chính sách phát triển và hợp tác văn hóa của mỗi quốc gia cũng biến chuyển theo từng Nhà lãnh đạo với những lý

tưởng, quan điểm riêng. Bên cạnh đó, quan hệ văn hóa còn được thúc đẩy bởi một số cá nhân hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực văn hóa tạo nên sự lan tỏa với công chúng hai quốc gia.

NCS sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung cùng phương pháp nghiên cứu QHQT nói riêng nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu, bao gồm: Phương pháp phân tích tổng hợp, Phương pháp so sánh, Phương pháp lịch sử, Phương pháp nghiên cứu chính sách, Phương pháp chuyên gia, Phương pháp khảo sát, Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case-study). Ngoài ra còn một số phương pháp hỗ trợ như Phương pháp dự báo, Phương pháp nghiên cứu tài liệu, Phương pháp diễn dịch quy nạp.

2. Những đóng góp mới của đề tài:

Về mặt khoa học: Luận án đưa ra một bức tranh toàn cảnh về mối quan hệ giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong lĩnh vực văn hóa ở cả hai góc độ hợp tác, xung đột và cạnh tranh, nhà nước và nhân dân trong giai đoạn 2003-2024, với những đặc điểm, chuyển biến, vai trò được thể hiện rõ nét.

Về mặt thực tiễn: Luận án sẽ là một cơ sở tham khảo để thúc đẩy hợp tác văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản đóng góp vào sự phát triển kinh tế và văn hóa nội tại của mỗi quốc gia, đóng góp cho việc tìm hiểu những đặc trưng về quan hệ văn hóa song phương này trong giảng dạy, nghiên cứu cùng lĩnh vực. Qua đó, một số hàm ý việc triển khai ngoại giao văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa dành cho Việt Nam trong thời kỳ toàn cầu hóa cũng được đề xuất.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu và kết luận, luận án bao gồm các chương sau:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN (2003 - 2024)

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO VỀ QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Với đề tài *Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản (2003 - 2024)*, NCS tập trung nghiên cứu các lý thuyết về văn hóa trong Quan hệ quốc tế, những công trình về quan hệ Hàn Quốc và Nhật Bản nói chung, những công trình liên quan đến chính sách văn hóa áp dụng cho mỗi quốc gia và những công trình nghiên cứu về quan hệ văn hóa song phương hiện tại của các học giả trong nước và quốc tế.

1.2. Nhận xét và đánh giá

Nhìn chung, tất cả những bài viết, công trình ở trên đã cung cấp cách nhìn tổng quan về lý luận và thực tiễn triển khai các hoạt động quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản, là những nguồn thông tin tư liệu hết sức quý giá phục vụ cho công tác nghiên cứu về lĩnh vực này.

Những thông tin Luận án được kế thừa, phần lớn các nghiên cứu của các tác giả đều chú trọng đến khía cạnh ngoại giao văn hóa, tập trung nhiều vào văn hóa hóa đại chúng thông qua cách tiếp nhận và hợp tác song phương của hai quốc gia. Các nghiên cứu thực hiện ở nhiều giai đoạn ngắt quãng trải dài từ cả thời kỳ thuộc địa cho đến năm 2024. Tuy nhiên, hiện tại chưa có công trình nào phân tích được những khía cạnh sau: sự vận động của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản, sự thay đổi trong chính sách phát triển và hợp tác văn hoá, các đặc điểm cốt lõi về thực trạng hợp tác, xung đột, cạnh tranh, xu hướng vận động cùng những nhân tố tác động tới quan hệ văn hoá của hai quốc gia trong khoảng thời gian liên tục từ 2003 - 2024.

Những thông tin Luận án sẽ bổ sung:

Thứ nhất, hiện trạng, diễn tiến, các khía cạnh của mối quan hệ văn hoá giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong giai đoạn 2003 - 2004

Thứ hai, cách văn hóa đóng vai trò gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau và trở thành cầu nối trong việc hòa giải, thúc đẩy sự hợp tác hai bên tạo sức ảnh hưởng đến mối quan hệ của Hàn Quốc và Nhật Bản nói chung.

Thứ ba, những đóng góp của văn hóa vào nền kinh tế hai bên, một động lực cho cả hai quốc gia liên tục chấn chỉnh ngành công nghiệp văn hóa, duy trì năng lực xuất khẩu, gia tăng vị thế của hai quốc gia trên thế giới

Thứ tư, sự tác động xét theo khía cạnh hợp tác, xung đột và cạnh tranh ở cấp độ chính phủ cũng như cấp nhân dân trong quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản vào chính sự phát triển một nền văn hóa mỗi quốc gia với mục đích đáp ứng nhu cầu giao lưu và hội nhập toàn cầu.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN & THỰC TIỄN CỦA QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN

2.1. Cơ sở lý luận

Quan hệ văn hóa được xem xét trong luận án sẽ tập trung đề cập đến toàn bộ những sự trao đổi, tương tác về văn hóa xuyên biên giới không chỉ giữa các chủ thể là nhà nước mà còn những tổ chức, cá nhân độc lập của hai quốc gia đó. Dựa trên các chính sách phát triển văn hóa, chính sách đối ngoại, Nhà nước triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa để điều chỉnh quan hệ văn hóa sao cho đạt được những lợi ích về sự thấu hiểu và thương mại hai chiều góp phần tạo dựng quan hệ an ninh-chính trị, kinh tế bền vững.

Trong đó, văn hóa theo góc nhìn của đề tài này sẽ bao gồm những tập đặc tính về tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc bao gồm nghệ thuật, lối sống, hệ thống giá trị truyền thống tạo nên giá trị cốt lõi và bản sắc dân tộc. Vì được tích lũy và sáng tạo qua quá trình hoạt động thực tiễn, tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên nên văn hóa có tính chủ quan nhưng cũng học hỏi lẫn nhau. Vì nghiên cứu về quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản, hai quốc gia có ngành công nghiệp văn hóa phát triển với nhiều sản phẩm văn hóa đại chúng tích hợp các yếu tố văn hóa truyền thống với mục đích giữ gìn bản sắc dân tộc, NCS lựa chọn tập trung vào hai phân loại này.

Văn hóa truyền thống là nguồn tài nguyên độc đáo, di sản lịch sử có giá trị, được truyền qua mỗi thế hệ, mang nét đặc trưng vốn có của mỗi quốc gia. Văn hóa đại chúng là sự thể hiện cụ thể hơn một diễn ngôn của chính phủ về các chuẩn mực, niềm tin, ý tưởng và bản sắc của một tiến trình chính trị thực tiễn của quốc gia đó. Những thành tố quan trọng văn hóa đại chúng này có thể là âm nhạc, phim ảnh, truyền hình, thời trang và lối sống.

Với người Nhật, trong một số văn kiện chiến lược của chính phủ Nhật Bản, văn hóa truyền thống được hiểu có nguồn gốc từ quá khứ, ví dụ như nghệ thuật sân khấu truyền thống (kịch Kabuki, Noh và Bunkaru), trà đạo, kimono hay một số hình thức nghệ thuật truyền. Văn hóa đại chúng còn được xem là văn hóa hiện đại, văn hóa đương đại hay văn hóa mới, bao gồm truyện tranh (manga), phim hoạt hình (anime), điện ảnh, thời trang và các khía cạnh khác trong đời sống hằng ngày. Văn hóa truyền thống với Hàn Quốc là tổng hòa các giá trị, phong tục, tín ngưỡng và các hình thức nghệ thuật được hình thành và lưu truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và thiên nhiên cùng những nét đặc trưng bản sắc dân tộc. Hàn Quốc ngay từ đầu đã kết hợp văn hóa truyền thống vào các sản phẩm của làn sóng Hallyu một cách khéo léo, đồng bộ giúp quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới. Hai thể loại này được bảo tồn và phát triển bền vững trong nền công

nghiệp văn hóa dựa trên chính sách văn hóa đặc trưng của mỗi quốc gia. Song song, văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng cũng được truyền bá, gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai quốc gia thông qua ngoại giao văn hóa.

Ở cấp độ Nhà nước, Bộ ngoại giao hai quốc gia đều xem văn hóa là yếu tố để xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau và lòng tin thông qua giao lưu hai chiều cả văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng. Chính phủ hai quốc gia cùng các cơ quan công quyền là Japan Foundation và Korean Foundation hoạch định, điều phối các hoạt động giao lưu và tài trợ một số chương trình trao đổi trong lĩnh vực này. Ở cấp độ nhân dân, hình thức mua bán sản phẩm, diễn ngôn truyền thông, đồng sản xuất là biểu hiện quá trình tiếp nhận, tương tác văn hóa của các cá nhân, doanh nghiệp văn hóa, cộng đồng công chúng, diễn ra tương đối độc lập với quan hệ chính trị giữa các chính phủ, góp phần hình thành sự hiểu biết và gắn kết xã hội xuyên biên giới.

Trong quan hệ quốc tế, văn hóa cũng có thể trở thành phương tiện để quốc gia gia tăng ảnh hưởng, thông qua việc tạo sức hút từ chính nền văn hóa của mình hoặc truyền bá những giá trị, quan điểm chính trị có lợi. Trong một số trường hợp, văn hóa được sử dụng như một công cụ tập hợp lực lượng để gia tăng quyền lực, bởi so với kinh tế hay chính trị, công cụ này thường ít gây nghi ngờ và dễ dàng được chấp nhận hơn.

Dưới góc nhìn của các Lý thuyết quan hệ quốc tế, quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản được hình thành dựa trên sự hấp dẫn về văn hóa, các giá trị và chính sách nên được nhìn nhận thông qua những quan điểm sau. *Một là*, sự hợp tác và giao thoa văn hóa hai chiều càng thúc đẩy sự phát triển nguồn lực sức mạnh mềm này đem lại những lợi ích đa phương diện. *Hai là*, song hành là sự cạnh tranh trong việc tận dụng nguồn lực văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng hiệu quả, đối trọng nhau giữa hai quốc gia. Nhật Bản và Hàn Quốc đều đã chứng tỏ sự khéo léo trong việc tận dụng Sức mạnh mềm để nâng cao ảnh hưởng và củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Cả hai quốc gia này đã tận dụng mạnh mẽ công cụ này thay đổi cách nhìn nhận của thế giới đối với họ cũng như đóng góp vào sự phát triển kinh tế. Việc tạo dựng hình ảnh qua văn hóa sẽ giúp nâng cao sự hiện diện quốc gia trong các cuộc đối thoại quốc tế và củng cố vị thế “cường quốc văn hóa” tại khu vực và thế giới.

Từ góc nhìn của Chủ nghĩa kiến tạo, bản sắc, chuẩn mực là yếu tố quyết định hành vi của các quốc gia, thể hiện qua các chính sách và hành động tận dụng văn hóa trong quan hệ quốc tế, lý giải được các thái độ và hành vi trong

quan hệ quốc tế văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Nhận thức, văn hóa, niềm tin, bản sắc dân tộc sẽ quyết định lợi ích quốc gia, hình thành nên những thay đổi trong chính sách phát triển và đối ngoại văn hóa quốc gia.

Dưới góc nhìn Chủ nghĩa tự do, để đạt được những lợi ích chung về kinh tế và sức mạnh quốc gia, hai quốc gia vẫn sẽ có khuynh hướng hợp tác văn hóa cùng nhau để cùng xây dựng vị thế khu vực và thế giới. Đặc biệt, văn hóa trong thời đại kỷ nguyên số không còn được xem đơn thuần là giá trị tinh thần, mà trở thành công cụ chiến lược để tạo ra giá trị kinh tế và sức mạnh mềm. Chủ nghĩa tân tự do, với nền tảng tư tưởng tập trung vào thị trường tự do, tư nhân hóa và toàn cầu hóa. Việc hình thành các Thể chế quốc tế tạo ra sự duy trì, hợp tác ổn định trong lĩnh vực văn hóa, giúp hạn chế tác động của những biến động chính trị ngắn hạn. Sự phát triển của các Thể chế trong quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản tạo ra những cơ chế chia sẻ thông tin, trao đổi chính sách cũng như hỗ trợ kết nối doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

Một góc nhìn quan trọng khác trong nghiên cứu quan hệ quốc tế chính là Chủ nghĩa hiện thực luôn xem chủ quyền quốc gia là tối cao, còn lợi ích quốc gia là tối hậu. Lợi ích quốc gia được xem như kim chỉ nam trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, đảm bảo các mục tiêu về an ninh, chủ quyền và quyền lực quốc gia trong môi trường quốc tế đầy cạnh tranh. Văn hóa vốn chứa đựng những yếu tố tinh thần và bản sắc dân tộc - những nguồn lực nội sinh giúp củng cố ý chí và sự chính danh cho việc theo đuổi lợi ích quốc gia càng được xem trọng. Bên cạnh đó, tinh thần dân tộc cũng được xem như một hình thái đặc biệt của sức mạnh quốc gia, phản ánh ý thức tập thể về chủ quyền, danh dự, và vị thế quốc gia trong hệ thống quốc tế. Góc nhìn của tinh thần dân tộc nhìn nhận việc quảng bá văn hoá dân tộc ra quốc tế không chỉ mang ý nghĩa giao lưu mà còn là một chiến lược nhằm khẳng định tính chính danh lịch sử và vị thế quốc gia.

2.2. Cơ sở thực tiễn:

Giai đoạn 2003 - 2024 chứng kiến nhiều biến động sâu sắc của môi trường quốc tế và khu vực Đông Bắc Á, tạo nên những điều kiện thuận lợi cũng như thách thức mới với quan hệ giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Trung Quốc nổi lên như một quốc gia mang tính lịch sử sâu sắc, có sự ảnh hưởng ngày càng rõ nét về chính trị, kinh tế và công nghệ. Chương trình hạt nhân của Triều Tiên với vòng Hội đàm Sáu bên (Six-Party Talk) giữa Triều Tiên, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và Nga đã không có kết quả khả quan. Các vụ thử tên lửa, thả khinh khí cầu chứa rác, bắt cóc đe dọa an ninh Hàn Quốc và Nhật Bản gây nên những căng thẳng xung đột kéo dài đến hiện tại.

Kinh tế toàn cầu cũng trải qua nhiều diễn biến thăng trầm. Cuộc khủng hoảng năm 2008 ảnh hưởng lớn đến quá trình phục hồi lĩnh vực này của Mỹ, cũng như một số quốc gia liên đới. Nhân cơ hội đó, Trung Quốc mở rộng sự ảnh hưởng về kinh tế lẫn chính trị qua châu Á, châu Phi và châu Âu nhờ vào sáng kiến Vành đai và con đường. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 diễn ra khiến các quốc gia châu Á chịu tác động nặng nề, trong đó có cả Nhật Bản và Hàn Quốc. Hệ quả lâu dài Nhật Bản chứng kiến sự mất đi vị thế là quốc gia châu Á vững mạnh khi từ năm 2010 đã rơi xuống vị trí thứ 3 khi Trung Quốc vượt mặt và từ năm 2022 tiếp tục bị tụt xuống thứ 4.

Với riêng phương diện văn hóa, cấu trúc văn hóa thế giới đã chuyển từ đơn cực sang đa cực, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nền văn hóa Á Đông hay còn được gọi là các dòng chảy ngược (contra-flows). Toàn cầu hóa, sức mạnh mềm và chuyển đổi số và môi trường an ninh phức tạp cùng sự cạnh tranh chiến lược tại Đông Bắc Á đã mở rộng không gian giao lưu văn hóa vượt ra ngoài khuôn khổ ngoại giao truyền thống, làm nổi bật vai trò của văn hóa như một kênh đối thoại, xây dựng lòng tin và tăng cường kết nối xã hội nhằm đảm bảo lợi ích an ninh và kinh tế. Nếu trong giai đoạn trước, văn hóa chủ yếu được xem là lĩnh vực giao lưu xã hội, thì từ đầu thế kỷ 21, văn hóa ngày càng được tích hợp vào các chính sách đối ngoại và chiến lược phát triển quốc gia thông qua sức mạnh mềm, ngoại giao văn hóa và ngoại giao công chúng.

Nhận thức này tạo điều kiện cho lĩnh vực văn hóa không còn ở trạng thái bảo tồn mà được khai thác mạnh mẽ như một nguồn lực phát triển kinh tế, nâng cao hình ảnh quốc gia và tăng cường vị thế quốc tế. Một điều thuận lợi là quá trình thể chế hóa hợp tác khu vực diễn ra sâu rộng hơn với các cơ chế ASEAN+3, Hội nghị Thượng đỉnh Trung Quốc-Nhật Bản-Hàn Quốc, sự thành lập Ban thư ký hợp tác ba bên (Trilateral Cooperation Secretariat – TCS) năm 2011 đã mở rộng khuôn khổ hợp tác cho các quốc gia Đông Bắc Á trên nhiều lĩnh vực.

Một trong những điểm đáng chú ý của hai nền kinh tế là mức độ bổ sung và cạnh tranh đồng thời trong quan hệ kinh tế. Sự tương đồng giữa các sản phẩm nhập khẩu và xuất khẩu này là do cơ cấu công nghiệp tương tự của Nhật Bản và Hàn Quốc, thúc đẩy "thương mại ngang" (Horizontal Trade) giữa hai quốc gia. Hai quốc gia bắt đầu coi nhau như đối tác kinh tế quan trọng trong khu vực châu Á, đặc biệt trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu và sự nổi lên của các nền kinh tế châu Á. Trong khi đó, quan hệ an ninh-chính trị giữa hai quốc gia chứng kiến sự đan xen giữa hòa giải và đối đầu. Việc giải quyết các vấn đề lịch sử “phụ nữ mua vui”, “cường bức lao động”, tranh chấp về lãnh thổ chưa đạt được sự đồng thuận

tiếp tục là một yếu tố gây căng thẳng. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế không đồng nghĩa với việc giải quyết được các vấn đề chính trị-lịch sử.

Trước 2003, hợp tác văn hóa Hàn - Nhật vẫn mang tính kiểm soát và chọn lọc chặt chẽ bởi những tác động của ký ức lịch sử và di sản thuộc địa. Chỉ đến khi Tuyên bố chung của Tổng thống Kim Dae-Jung-Obuchi năm 1998 ra đời thì Hàn Quốc mới mở cửa thị trường chính thức tiếp nhận văn hóa đại chúng Nhật Bản. Văn hóa từ dấu hiệu chính thức mở cửa được kỳ vọng như một nguồn lực góp phần xây dựng lòng tin, duy trì tính liên tục trong quan hệ song phương cũng như góp phần hòa giải giữa hai quốc gia.

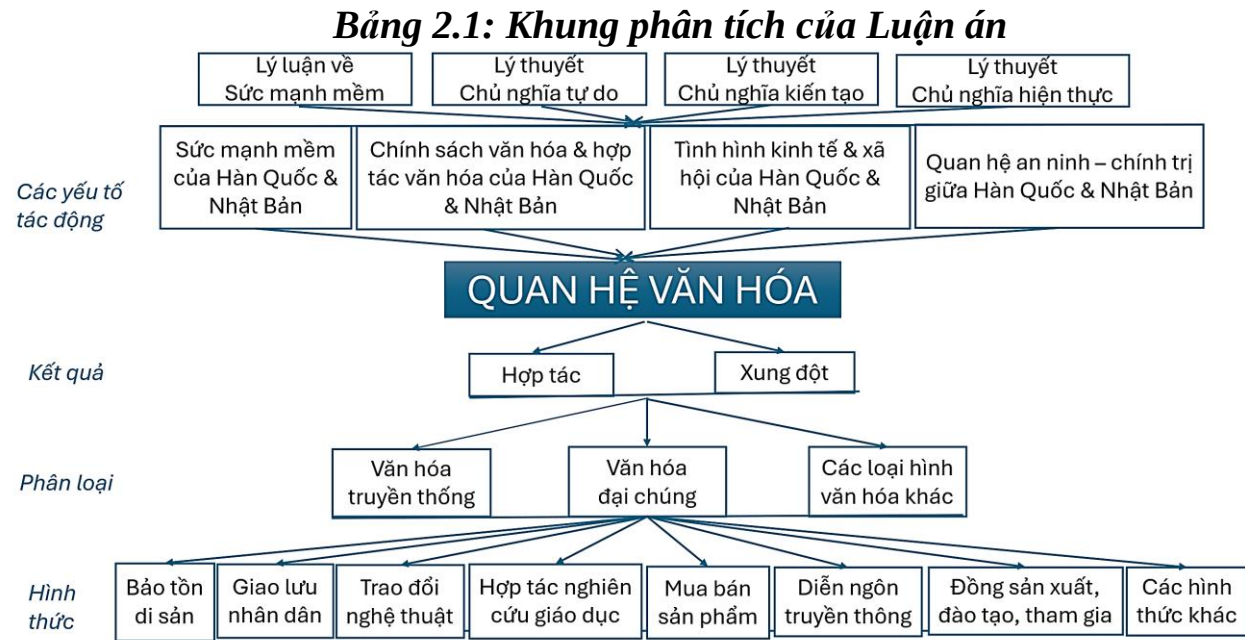
Chính sách hợp tác văn hóa được ghi nhận là sợi dây kết nối hai chiều liên tục bất chấp những căng thẳng leo thang. Trong khi Chính quyền Koizumi đẩy mạnh việc đưa tiếng Hàn vào thành ngôn ngữ chính thức của Website Bộ ngoại giao, hạ tầng truyền thông số, phát sóng chương trình truyền hình Hàn trên kênh quốc gia NHK thì Tổng thống Roh Moo-hyun và Park Geun-hye trong thời kỳ đương nhiệm chủ trương mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm văn hóa sáng tạo qua Nhật. Việc cử Đại sứ văn hóa (Japan Culural Envoy) đến Hàn Quốc tư vấn phục chế di sản, chia sẻ kinh nghiệm bảo tồn văn hóa, nghệ thuật của Thủ tướng Shinzo 2006, 2011 và 2015 chứng tỏ việc Nhật Bản coi trọng vai trò đối tác của quốc gia láng giềng. Đặc biệt, các nhà lãnh đạo đều đồng lòng duy trì Hiệp định trao đổi văn hóa Nhật – Hàn chủ trương thúc đẩy hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật hai quốc gia liên tục trong suốt gần hai thập kỷ.

Những tương đồng về không gian văn hóa Á Đông tạo điều kiện cho hai quốc gia có khả năng tiếp nhận và tương tác văn hóa thuận lợi. Điều này thể hiện rõ qua sự lưu chuyển hai chiều của các sản phẩm văn hóa đại chúng. Công nghiệp văn hóa ngày càng trở thành lĩnh vực kinh tế có tính chiến lược với cả hai quốc gia, là một giải pháp phù hợp với hai quốc gia phải đối diện với tình trạng già hóa dân số mà vẫn hướng đến sự tăng trưởng dài hạn. Với sự tự chủ trong chiến lược tái cấu trúc văn hóa, Nhật Bản và Hàn Quốc đã trở thành những “cường quốc văn hóa” khu vực. Sự phát triển của hai thị trường văn hóa vừa tạo ra sự cạnh tranh tính hấp dẫn, vừa mở rộng nhu cầu hợp tác giao lưu và tiêu dùng xuyên biên giới.

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo, cả hai quốc gia đều muốn đẩy mạnh sự phát triển lĩnh vực văn hóa. Nhật Bản, trong khi đó, lại chú trọng truyền bá một nền văn hóa dân tộc kiểu mẫu chú trọng gìn giữ văn hóa truyền thống. Với văn hóa truyền thống, việc hợp tác thể hiện qua các chủ trương tổ chức các lễ hội giao lưu, giới thiệu văn hóa nghệ thuật, ẩm thực. Các chương trình trao đổi, thưởng thức phim ảnh, âm nhạc hiện đại, K-pop, phim hoạt

hình hay cuộc thi sáng tác manga cũng rất được chú trọng trong lĩnh vực văn hóa đại chúng. Việc kiến tạo bản sắc thông qua chính sách đã khiến quan hệ văn hóa giữa hai nước trở nên năng động, có thể bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển chính nền văn hóa mỗi quốc gia.

2.3. Khung phân tích



(Nguồn: NCS xây dựng dựa trên khung lý thuyết của luận án)

Thông qua đây, khung phân tích này chứng minh rằng quan hệ văn hóa Hàn Quốc - Nhật Bản mang tính hai mặt: vừa hợp tác để tận dụng sức mạnh mềm củng cố vị thế và lợi ích kinh tế, vừa xung đột, cạnh tranh do tinh thần dân tộc và các lợi ích quốc gia hiện thực chi phối. Việc kết hợp nhiều lý thuyết quan hệ quốc tế cho phép luận án có cách nhìn toàn diện về quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản: sức mạnh mềm giải thích về động lực, chủ nghĩa kiến tạo lý giải quá trình, chủ nghĩa tự do/tân tự do nhấn mạnh cơ hội hợp tác, còn chủ nghĩa hiện thực và tinh thần dân tộc chỉ ra những nguy cơ xung đột, cạnh tranh.

Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN GIAI ĐOẠN 2003-2024

3.1. Tổng quan về quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản (2003 -2024)

Trải quan hơn hai thập kỷ từ 2003 - 2024, quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản thể hiện qua hợp tác văn hóa trong các cuộc gặp thượng đỉnh Nhật - Hàn đã có những biến chuyển. Sức mạnh mềm chính là động lực để hai quốc gia tập trung phát triển văn hóa nội tại, tạo nền tảng đôi trọng trong quan hệ song phương lĩnh vực này nhằm củng cố vị thế “cường quốc văn hóa” tại khu vực Đông Á. Thuận theo những nguyên tắc của CNTD, luôn

coi trọng sự hợp tác để tối đa hóa lợi ích quốc gia, quan hệ văn hóa hai bên được nhấn mạnh thông qua 9 cuộc họp thượng đỉnh song phương đã dịch chuyển từ những thảo luận mang tính tổng quát, biểu tượng sang những cơ chế và hiện thực hóa về hai lĩnh vực văn hóa truyền thống và văn hóa đại chúng. Những thảo luận mang tính tổng quát, biểu tượng đã được thể chế hóa thành những chương trình cụ thể hơn như việc trao đổi sinh viên, giao lưu nhân dân, thanh niên và quan hệ địa phương. Điều này phản ánh sự trưởng thành trong mối quan hệ song phương khi hai quốc gia tận dụng văn hóa như một công cụ mềm để đối thoại xã hội, xây dựng lòng tin và gia tăng lợi ích kinh tế đôi bên.

Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản có những chuyển biến giữa hai giai đoạn. Vai trò văn hóa truyền thống đã đi từ tính biểu tượng trở thành nguồn lực ngoại giao mềm, gắn liền với những chuẩn mực quốc tế và diễn đàn đa phương như UNESCO, từ hàn gắn và xây dựng lòng tin đến gác lại quá khứ, hướng về tương lai. Với văn hóa đại chúng, giữa Hàn Quốc và Nhật Bản không chỉ còn “tính giao lưu” mà chuyển hóa thành “tính tương tác” - vừa hợp tác (trao đổi nhân lực, đồng sản xuất, giao lưu nhân dân) vừa cạnh tranh trong hệ sinh thái phân phối và phát sóng trực tuyến giữa hai cường quốc về nội dung văn hóa.

3.2. Hợp tác trong quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản

Quá trình hợp tác liên quốc gia giữa Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản giúp duy trì kênh hợp tác chung phòng trừ trường hợp quan hệ song phương một số cặp quốc gia gặp vấn đề. Với sáng kiến “Đô thị văn hóa Đông Á” được duy trì từ 2007, sự hợp tác đa phương này tạo nên thế “kiềng ba chân” về văn hóa cho một khu vực Đông Bắc Á ổn định lâu dài. Bên cạnh đó, trong mối quan hệ với UNESCO, mỗi quốc gia cũng khẳng định được những vai trò quan trọng trong các diễn đàn bảo tồn và quản trị di sản vật thể và phi vật thể thế giới.

Quan hệ văn hóa song phương trong giai đoạn này đã chứng tỏ sự gắn bó hơn nhiều so với sự giới hạn giai đoạn trước 2003. Chính phủ hai quốc gia đẩy mạnh ngoại giao văn hóa thông qua các điều khoản hợp tác dưới sự tài trợ của các Quỹ trao đổi cho các chương trình trong lĩnh vực văn hóa truyền thống. Trong khi đó, các hình thức hợp tác trong văn hóa đại chúng được thực thi bởi các cá nhân, doanh nghiệp, thoát khỏi sự kiểm gắt gao của Chính phủ như trước đây để đảm bảo tối đa hóa sự sáng tạo, phát triển tự nhiên trong mối quan hệ.

3.2.1. Về văn hóa truyền thống

Quan hệ về văn hóa truyền thống với bảo tồn di sản, giao lưu nhân dân, trao đổi học thuật, giao lưu thanh niên, giao lưu địa phương, trao đổi nghệ

thuật, liên kết giáo dục đã chuyển biến theo quỹ đạo từ những động thái thận trọng sang việc mạnh dạn thể chế hóa, gác bỏ những bất đồng quá khứ hướng đến tương lai. Hợp tác ngày càng chuyên sâu trong học thuật, nghiên cứu cũng như cởi mở hơn trong các đối thoại về lịch sử đại diện cho một cam kết lâu dài về sự thiện chí, tôn trọng lẫn nhau vì những lợi ích chung. Trong các hình thức hợp tác, các lễ hội trao đổi văn hóa mang tính ổn định, trở thành cầu nối quan trọng cho quan hệ song phương hai nước. Những kết quả này tạo nên những nền tảng tri thức, xã hội chung vững chắc giúp sức cho việc hàn gắn quan hệ Hàn - Nhật.

3.2.2. Về văn hóa đại chúng

Tiếp cận với CNTTĐ, các sản phẩm văn hóa đại chúng của cả hai quốc gia đã trở thành hàng hóa, tham gia vào quá trình trao đổi kinh tế hai chiều. Làn sóng văn hóa Hallyu lúc đầu hiện diện tại Nhật Bản với độ phủ sóng và thương mại hóa theo sản phẩm đã thúc đẩy Nhật Bản thay đổi chính sách. Không chỉ kết nối qua hình thức tiếp nhận, mua bán, hai quốc gia đẩy mạnh việc đồng sản xuất, đào tạo và tham gia những dự án văn hóa đại chúng tạo nên sự giao thoa văn hóa. Từ đây, Chính phủ Nhật đã phát triển sản phẩm từ hướng nội hóa sang đẩy mạnh xuất khẩu nội dung để tạo nên thế cân bằng vị thế với Hàn Quốc, nói cách khác là cân bằng tương tác giữa hai cường quốc nội dung. Công nghiệp văn hóa của hai quốc gia đã trở thành trụ cột kinh tế đối ngoại làm cho quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trở thành một phần hữu hình của cấu trúc kinh tế sáng tạo Đông Á.

3.3. Xung đột trong quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản

3.3.1. Về văn hóa truyền thống

Giai đoạn 2003 - 2015 được đặc trưng bởi những xung đột mang tính biểu tượng và đối đầu trực diện, ảnh hưởng dễ dàng đến giao lưu nhân dân và học thuật. Các bất đồng về việc ghi nhận và diễn giải về những di sản liên quan đến ký ức lịch sử tại các diễn đàn quốc tế, đặc biệt trong khuôn khổ UNESCO nhiều lần làm gia tăng căng thẳng ngoại giao hai nước. Hai nước đều nỗ lực duy trì Ủy ban nghiên cứu lịch sử chung, nhưng kết quả đối thoại học thuật cũng vì điều này mà bị giới hạn dẫn đến việc hủy bỏ hoặc thu hẹp các sự kiện giao lưu văn hóa. Bước qua giai đoạn 2015 - 2024, xu hướng thể chế hóa và quản trị xung đột được hình thành, trong đó văn hóa vừa là khởi nguồn phát sinh, vừa là công để kiểm soát và làm “mềm hóa” những quan điểm bất đồng. Việc phối hợp trong các lĩnh vực ít nhạy cảm hơn như bảo tồn về kỹ thuật, nhân học, di sản phi vật thể và nghiên cứu khu vực Đông Bắc Á lại được mở rộng thông qua những dự án chung, hội thảo quốc tế trong khuôn khổ đa phương của UNESCO. Điều này chứng tỏ sự biến chuyển trong quan

hệ văn hóa giữa hai quốc gia khi tìm giải pháp linh hoạt để làm dịu các xung đột còn chưa giải quyết được. các chương trình giao lưu thanh niên và địa phương vẫn được duy trì như một “không gian hòa giải” nhằm ngăn chặn xung đột lan rộng sang đời sống dân sự.

Đây là một sự phát triển mang tính tương đối của quan hệ văn hóa về khía cạnh này giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Hai quốc gia đều nhận thức rõ rằng việc duy giao lưu văn hóa, học thuật là một điều kiện cần thiết để ngăn chặn xung đột chính trị dẫn đến sự đổ vỡ nền tảng xã hội trong quan hệ song phương.

3.3.2. Về văn hóa đại chúng

Tương tự, sự xung đột trong quan hệ lĩnh vực văn hóa đại chúng của hai quốc gia đã có sự chuyển biến nhất định. Nếu giai đoạn 2003 - 2015 có những xung đột xuất phát từ những ký ức lịch sử và sự bất cân xứng trong dòng chảy văn hóa bùng nổ bởi Hallyu dẫn đến những nghi ngại về “xâm lược văn hóa” và các bất đồng trong diễn ngôn truyền thông. Bước sang giai đoạn 2015 - 2024 xung đột lại thể hiện rõ tính cấu trúc và sự cạnh tranh sức mạnh mềm trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa. Xung đột văn hóa dần rời khỏi không gian song phương thuần túy tiến đến gắn liền với thị trường quốc tế và các nền tảng mang tính toàn cầu. Qua đó, quan hệ văn hóa đại chúng giữa Hàn Quốc và Nhật Bản đã bước sang một giai đoạn mới: nền công nghiệp văn hóa, quy luật thị trường đã có sự tác động, bên cạnh những bất đồng quan điểm lịch sử vẫn tồn tại trong giai đoạn trước đây. Xung đột từ quan điểm, hành động của Hàn Quốc và Nhật Bản đối với những sản phẩm văn hóa đại chúng Hàn thời kỳ này tiếp tục thể hiện việc bảo vệ lợi ích dân tộc liên quan đến di sản thuộc địa tùy thuộc vào quan điểm lịch sử của doanh nghiệp sản xuất, lúc mềm mỏng hơn, lúc vẫn gay gắt.

Như vậy, dựa trên các thể chế đã được thống nhất, các hoạt động hợp tác văn hóa đã được thực thi giữa hai quốc gia tạo nên những thành tựu đáng ghi nhận. Giữ vững bản sắc, linh động thay đổi chiến lược trong chính sách phát triển và hợp tác văn hóa dưới góc nhìn của CNKT, cả Nhật Bản và Hàn Quốc đã chứng tỏ sự thích nghi tốt với những biến động bối cảnh và thể hiện sự học hỏi lẫn nhau hiệu quả. Bên cạnh những kết quả khả quan ấy luôn hiện hữu những xung đột. Những xung đột chủ yếu xoay quanh các quan điểm bất đồng về lịch sử, chính trị và lãnh thổ thể hiện qua các sản phẩm văn hóa truyền thống lẫn văn hóa đại chúng. Đặc biệt dưới bối cảnh phát triển của không gian truyền thông đại chúng, toàn cầu hóa và số hóa, sự xung đột còn mang tính chất cạnh tranh sức mạnh mềm khi rời khỏi không gian song phương thuần túy để vươn đến thị trường quốc tế.

Chương 4. NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO VỀ QUAN HỆ VĂN HÓA GIỮA HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN

4.1. Nhận xét về chiến lược phát triển văn hóa của Hàn Quốc và Nhật Bản

Nhìn chung, trong quan hệ văn hóa song phương giai đoạn 2003 - 2024, Nhật Bản là quốc gia đi trước trong công cuộc phát triển văn hóa với chiến lược “từ dưới lên trên” trong bối cảnh toàn cầu hóa văn hóa tạo nên dòng chảy ngược chuyển đổi từ văn hóa phương Tây sang phương Đông. Hàn Quốc từ một xuất phát điểm là quốc gia phụ thuộc, phải học hỏi kinh nghiệm đã áp dụng chiến lược “từ trên xuống dưới” từng bước đi lên, tiến đến sự độc lập trong định hướng phát triển. Sự kết hợp linh hoạt cả hai chiến lược phát triển văn hóa vừa thúc đẩy tốc độ toàn cầu hóa vừa chú trọng bảo tồn giá trị truyền thống sẽ giúp duy trì được độ thu hút của nền văn hóa mỗi quốc gia và tạo nên giá trị kinh tế bền vững trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.

4.2. Đánh giá về quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản

Bước qua thế kỷ thứ XX, Hàn Quốc và Nhật Bản đã có những bước tiến lớn trong việc củng cố và phát triển quan hệ văn hóa. Xem xét một cách toàn diện, mối quan hệ song phương này thể hiện rõ nét hai mặt đối lập: hợp tác và xung đột. Với quan điểm của CNTD và CNTTĐ, sự hợp tác giữa hai quốc gia là một điều tất yếu phản ánh sự tin tưởng, phụ thuộc đôi bên hướng đến lợi ích trước những diễn biến của bối cảnh khu vực, thế giới và mỗi quốc gia. Ngược lại, với góc nhìn của Sức mạnh mềm, tinh thần dân tộc và CNHT, những xung đột, cạnh tranh để bảo vệ lợi ích, tính chính danh lịch sử và vị thế “cường quốc văn hóa” là điều không thể tránh khỏi.

Một, không vận động một chiều mà tồn tại đồng thời hợp tác và xung đột. Hợp tác là một nhu cầu tất yếu mà cả hai quốc gia đều rất chú trọng thể hiện qua hình thức liên quốc gia và cả song phương. Chính sách văn hóa của hai quốc gia đều thể hiện sự cạnh tranh trong chiến lược phát triển văn hóa thành một công cụ Sức mạnh mềm hữu hiệu để cải thiện hình ảnh quốc tế, nâng cao vị thế trở thành những cường quốc văn hóa hàng đầu. Những bất đồng lịch sử hiện hữu, hiện tượng bất cân xứng và cảm giác “xâm lược văn hóa” trong lĩnh vực văn hóa đại chúng trong quan hệ hai bên một trong những nguyên nhân trực tiếp gây nên xung đột, tranh cãi.

Hai, vừa là cầu nối hòa giải cũng là không gian phát sinh ra những bất đồng lịch sử: thể hiện qua các hoạt động hợp tác giữa hai quốc gia đa dạng, phong phú tập trung nghiên cứu lịch sử chung với sự hình thành và mở rộng hoạt động của Ủy ban nghiên cứu lịch sử chung Hàn - Nhật, đóng vai trò thúc đẩy học thuật và giảm thiểu xung đột nhận thức lịch sử trong giao dục và nghiên cứu. Cả hai quốc gia thông qua văn hóa để tăng vị thế đối thoại trên phạm vi quốc tế tạo nên môi trường cho quan hệ văn hóa song phương thân

thiện hơn. Tuy nhiên, Các sản phẩm, công trình của cả văn hóa truyền thống và hóa đại chúng đóng vai trò là công cụ thể hiện diễn ngôn truyền thông, quyền diễn giải về lịch sử trong trạng thái đối lập nhau của cả hai quốc gia. Nhìn theo một góc độ khác, những xung đột này cũng là một biểu hiện của tính cạnh tranh về văn hóa trong mối quan hệ song phương với những phương diện sau: *Thứ nhất*, cạnh tranh khẳng định bản sắc và tính chính danh lịch sử. *Thứ hai*, cạnh tranh vị thế văn hóa ở khu vực và thế giới.

Ba, từ trạng thái bất đối xứng chuyển sang cạnh tranh hai chiều. Trên bình diện quốc tế, đặc biệt trong khuôn khổ hợp tác đa phương với UNESCO, Hàn Quốc và Nhật Bản cạnh tranh trong việc đề cử, tư vấn, quản trị, đóng góp chuyên gia về các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể để giành lấy sự công nhận quốc tế về uy tín và sức mạnh mềm. Trong lĩnh vực học thuật, sự cạnh tranh được thể hiện qua các diễn đàn nghiên cứu lịch sử, xuất bản sản phẩm học thuật, đặc biệt chú trọng nội dung liên quan đến ký ức chiến tranh theo lợi ích quốc gia mình. Với văn hóa đại chúng, Nhật Bản đóng vai trò là bộ phận quan trọng cho việc xuất khẩu các sản phẩm văn hóa, dòng chảy văn hóa đang cho thấy sự nổi trội của Hàn Quốc trong lĩnh vực này, khiến Nhật Bản phải tái cấu trúc chuyển sang vừa hợp tác vừa cạnh tranh song phương và cả hệ sinh thái toàn cầu.

Bốn, suy giảm tạm thời do chính trị nhưng có khả năng tự phục hồi do nhu cầu xã hội và lợi ích kinh tế. Những chiến dịch tẩy chay văn hóa bởi hiệu ứng từ căng thẳng an ninh-chính trị tuy có diễn ra nhưng chỉ mang tính ngắn hạn cho thấy văn hóa vẫn dễ bị tổn thương trước những biến động chính trị. Trong bối cảnh đó, các lễ hội văn hóa song phương, chương trình giao lưu thanh niên, giao lưu địa phương được duy trì như một “kênh đối thoại hòa giải” giúp sức ngăn chặn xung đột lan rộng hơn. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ từ công chúng hai bên về văn hóa luôn tồn tại. Điều này khiến việc tiêu thụ sản phẩm văn hóa đại chúng Hallyu ngày càng lớn tại Nhật Bản mang đến những giá trị kinh tế đáng kể cho Hàn Quốc, trong khi Hàn Quốc là một trong những thị trường mục tiêu cho chiến lược “New Cool Japan Strategy 2024” với mục tiêu nâng cao doanh thu công nghiệp văn hóa toàn cầu.

Năm, chuyển hóa giá trị văn hóa thành giá trị xã hội, ngoại giao và kinh tế. Công tác ngoại giao văn hóa giữa Chính phủ hai quốc gia trải qua gần hai thập kỷ vẫn duy trì tạo cầu nối sau các khoảng thời gian gián đoạn quan hệ. Thông qua các Hội nghị thượng đỉnh Hàn Quốc - Nhật Bản giai đoạn 2003 - 2024, sự hợp tác văn hóa trong cả hai lĩnh vực đã trải qua một quá trình phát triển cả về chiều sâu lẫn mức độ thể chế hóa. Xuất phát từ vai trò chỉ hỗ trợ, mang tính biểu tượng trong giai đoạn đầu, giao lưu văn hóa và giao lưu nhân dân đã trở thành một trụ cột ổn định trong bối cảnh chính trị nhiều

biến động và sau đại dịch COVID - 19. Thực tế cho thấy với cả hai quốc gia, Nhà nước chỉ đạo tổ chức những chương trình giao lưu văn hóa truyền thống với sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan. Trong khi đó, các hoạt động hợp tác văn hóa đại chúng hầu hết được tiến hành bởi doanh nghiệp tư nhân vì chủ trương tự do hóa sáng tạo, ít can thiệp của Nhà nước.

4.3. Sự tác động của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản ở một số lĩnh vực trong quan hệ song phương (2003 - 2024)

4.3.1. Sự tác động đến nhận thức về nhau giữa nhân dân hai quốc gia

Nhận thức của hai quốc gia về nhau trong khoảng thời gian từ năm 2003 cho đến năm 2024 có những sự chuyển đổi rõ rệt. Tỷ lệ không thích và trung lập khi nhận thức về nhau ngày càng có xu hướng gia tăng. Trong suốt thời gian này, sự thay đổi lên xuống trong việc ủng hộ có diễn ra, nhưng đều do những lý do lịch sử: Hàn Quốc phát hành con tem hình đảo Takeshima/Dokdo, Sách giáo khoa lịch sử mới của Nhật Bản, chuyến viếng thăm đền Yashukuni của Thủ tướng Nhật. Sự giao lưu trao đổi văn hóa truyền thống và hợp tác văn hóa đại chúng vẫn được duy trì đều qua các năm. Người Nhật Bản cho biết phim điện ảnh và truyền hình Hàn Quốc đã làm họ gia tăng sự yêu thích đối với Hàn Quốc, và cho dù quan hệ hai nước có xấu đi họ vẫn yêu thích văn hóa Hàn Quốc. Từ năm 2021 -2024, tỷ lệ người Hàn Quốc đánh giá cao việc trao đổi văn hóa với người Nhật Bản cũng đã bắt đầu xuất hiện và có xu hướng gia tăng thể hiện một tín hiệu tốt về vai trò của văn hóa đóng góp vào cải thiện mối quan hệ chung của hai quốc gia. Thái độ tích cực cũng thể hiện qua sự đánh giá của giới trẻ Hàn Quốc lứa tuổi 20s và 30s vốn đã có nhiều trải nghiệm với Nhật Bản thông qua văn hóa đại chúng và văn hóa truyền thống.

Di sản văn hóa luôn nằm trong danh sách quan tâm của người dân cả hai quốc gia cho thấy sự coi trọng công tác bảo tồn các văn hóa cội nguồn. Thông qua nét hấp dẫn của các giá trị truyền thống, trao đổi học thuật, giao lưu nhân dân và địa phương đều đặn mỗi năm cùng việc tiêu thụ các sản phẩm văn hóa đại chúng của nhau, sự thấu hiểu lẫn nhau, gia tăng niềm tin tưởng với người dân hai nước, chuyển đổi trọng tâm vào thế hệ trẻ ngày càng rõ rệt.

4.3.2. Sự tác động của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản vào sự phát triển kinh tế mỗi quốc gia

Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản không những giúp hai quốc gia tái lập niềm tin mà còn góp phần thúc đẩy giúp hai nền kinh tế cùng tăng trưởng, được biểu hiện cụ thể qua hai đặc điểm. *Một, tạo ra giá trị kinh tế trực tiếp.* Sự chuyển biến lớn nhất giữa hai giai đoạn là sự thay đổi vai trò làn sóng văn hóa từ một hiện tượng tiêu dùng xuyên biên giới sang công nghiệp nội dung có giá trị kinh tế-đối ngoại. Với kim ngạch xuất khẩu gia tăng lên hàng chục tỷ USD/ năm của Hàn Quốc và hàng nghìn tỷ Yên của

Nhật Bản khiến quan hệ văn hóa giữa hai quốc gia trở thành một phần hữu hình trong cấu trúc kinh tế sáng tạo tại khu vực Đông Á. Sự lớn mạnh của công nghiệp văn hóa và du lịch kéo theo sự gia tăng của nhu cầu việc làm trong thị trường lao động nội địa mỗi quốc gia. Chính hệ sinh thái của ngành công nghiệp văn hóa tạo nên những sự chuyển đổi mới về ngành nghề lao động tạo nên động lực kinh tế lớn cho cả hai quốc gia.

Bảng 4.2: Tóm tắt các thành tựu trong quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản (2003- 2024)

HẠNG MỤC	GIẢI ĐOẠN 1: 2003 - 2015	GIẢI ĐOẠN 2: 2015 - 2024
Doanh thu ngành công nghiệp nội dung Hàn Quốc	Quy mô tăng nhanh nhưng chưa đạt ngưỡng “công nghiệp hóa toàn diện”; số liệu tổng hợp toàn ngành còn hạn chế trước giữa thập niên 2010	Đạt quy mô rất lớn: 137,5 nghìn tỷ KRW (2021); khoảng 150 nghìn tỷ KRW (2022)
Kim ngạch xuất khẩu nội dung văn hóa Hàn Quốc toàn cầu	K-pop tăng mạnh khoảng 22 triệu USD (2005) lên khoảng 381 triệu USD (2015) Tổng xuất khẩu nội dung tăng nhanh nhưng dưới 10 tỷ USD	Khoảng 12,45 tỷ USD (2021) lên 13,24 tỷ USD (2022) Xu hướng tiếp tục tăng đến 2024
Thị trường Nhật Bản với xuất khẩu văn hóa Hàn Quốc	Chiếm khoảng 60-63% tỷ trọng xuất khẩu trong các hạng mục chủ lực 2015	Tiếp tục là thị trường trọng yếu nhưng trong bối cảnh đa thị trường - đa nền tảng (số hóa, trực tuyến)
Doanh thu xuất khẩu nội dung Nhật Bản toàn cầu	Tăng chậm hơn khi chiến lược Cool Japan còn ở giai đoạn định hình	Khoảng 4,7 nghìn tỷ yên (2022), tăng khoảng 3,3 lần so với 2012

(Nguồn: NCS tự tổng hợp)

Hai, quan hệ văn hóa bên cạnh việc tạo giá trị kinh tế trực tiếp còn lan tỏa sang các ngành kinh tế khác.Thông qua sự mở rộng đa dạng không ngừng của công nghiệp văn hóa, ngành du lịch và việc làm của Hàn Quốc và Nhật Bản ngược lại cũng sẽ góp phần đáng kể trong việc thương mại hóa lĩnh vực văn hóa. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật dân gian, triển lãm thủ công mỹ nghệ, liên hợp bảo tàng luôn được duy trì ổn định làm nên chất xúc tác cho quan hệ văn hóa song phương giữa người dân hai bên. Các giá trị văn hóa cội nguồn luôn thu hút sự tìm hiểu, nghiên cứu văn hóa thông qua du lịch song phương giữa hai quốc gia. Chính xu hướng K-Cuture tại Nhật Bản đã thu hút lượng du khách Nhật Bản đến Hàn Quốc, cũng như Anime và Manga tại Hàn Quốc đã làm gia tăng lượng khách du lịch Hàn Quốc đến với Nhật Bản theo xu hướng “du lịch nội dung”, vốn phát triển từ “công nghiệp nội dung” của hai quốc gia.

4.3.3. Sự tác động của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản vào sự phát triển văn hóa mỗi quốc gia

Sự thành công của hai nền văn hóa Hàn Quốc và Nhật Bản tạo nên một sự nhìn nhận và tác động vào việc chuyển đổi mô hình phát triển và tái định nghĩa bản sắc văn hóa cho mỗi quốc gia. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền công nghiệp văn hóa, Nhật Bản đều là quốc gia đi đầu, còn Hàn Quốc kế thừa một cách sáng tạo. Nhật Bản theo tiêu chí phát triển một nền “văn hóa kiểu mẫu”, giữ sự phát triển đồng đều ở cả hai lĩnh vực. Điều này thể hiện rõ thông qua các chính sách bảo tồn một cách cẩn trọng cũng như sẵn sàng hỗ trợ, chia sẻ các kinh nghiệm cho Hàn Quốc và thế giới trong việc giữ gìn văn hóa truyền thống. Với văn hóa đại chúng, Nhật Bản đảm bảo sự sáng tạo chất lượng, hướng đến các tín ngưỡng, niềm tin, ước mơ, khát vọng của con người trong tương lai trong các sản phẩm văn hóa đại chúng, điển hình là truyện tranh và phim hoạt hình. Cùng với âm nhạc, trò chơi điện tử, ngành công nghiệp văn hóa của Nhật Bản ưu tiên thị trường nội địa vững chắc, rồi mới đến thị trường Hàn Quốc và toàn cầu.

Nền văn hóa của Hàn Quốc có nhiều nét tương đồng vì quá trình học hỏi từ Nhật Bản cách gìn giữ văn hóa truyền thống, cũng như phát triển văn hóa đại chúng. Tuy nhiên, sự khác biệt của quốc gia này thể hiện qua định hướng xây dựng một nền “văn hóa toàn cầu” dành sự ưu tiên phát triển văn hóa đại chúng hơn so với văn hóa truyền thống. Ngành công nghiệp văn hóa của quốc gia này đã tái cấu trúc với nhiều tên gọi như công nghiệp nội dung, công nghiệp sáng tạo để luôn đáp ứng được nhu cầu thị trường Nhật Bản và thế giới biến động liên tục. Chính sách địa phương hóa phim ảnh, âm nhạc trong các quốc gia tiếp nhận đã cho thấy sự linh hoạt của Hàn Quốc nhằm đáp ứng mục tiêu phổ biến rộng rãi nhất các sản phẩm văn hóa đại chúng mang thương hiệu K. Sự cởi mở trong việc sử dụng đa dạng kênh truyền thông thời đại công nghệ số cũng đã trở thành công cụ giúp lan tỏa toàn cầu. Văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bên cạnh công tác bảo tồn cũng xuất hiện trong rất nhiều phim ảnh, buổi biểu diễn âm nhạc đương đại để tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền bá với nhiều thể hệ của cộng đồng toàn cầu.

4.4. Triển vọng của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong tương lai

Kịch bản thứ nhất: Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ cân bằng giữa hợp tác và cạnh tranh. Đây là trạng thái cân bằng để duy trì nguyên trạng quan hệ với mục đích kết nối xã hội, đảm bảo lợi ích, nhưng không giải quyết triệt để các rạn nứt về các vấn đề chính trị- lịch sử.

Về mặt hợp tác: Với lập luận từ CNTD và CNTTĐ, sự hợp tác về văn hóa truyền thống được duy trì với vai trò là ngoại giao cơ bản giữa Chính phủ hai

bên. Dưới sự phát triển của truyền thông mạng xã hội và nhu cầu thị trường, sự hưởng ứng hai chiều về văn hóa đại chúng tiếp tục bùng nổ, bao gồm: việc mua bán, đồng sản xuất, tham gia, đào tạo một số dự án phim ảnh và âm nhạc.

Về mặt cạnh tranh: Trong khi đó, CNKT vốn thể hiện bản sắc và sự thích ứng thay đổi, Hàn Quốc và Nhật Bản thể hiện sự cạnh tranh qua việc tiếp tục sáng tạo và phát triển công nghiệp văn hóa để tạo thế đối trọng về vị thế công nghiệp văn hóa. Trong thị trường nội địa mỗi quốc gia, khán giả Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn bảo vệ, tiêu thụ các sản phẩm quốc nội và sẽ có sự đón nhận chọn lọc với các sản phẩm văn hóa liên quan đến vấn đề chính trị-lịch sử.

Kịch bản thứ hai: Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ đẩy mạnh hợp tác. Đây là trạng thái tích cực nhất khi vượt qua những ký ức lịch sử, định hướng xây dựng một liên minh văn hóa chung khu vực Đông Bắc Á. Dưới góc nhìn CNTD và CNKT coi trọng việc hợp tác và linh động chính sách, Chính phủ hai nước gỡ bỏ mọi rào cản kiểm duyệt để thực thi các Hiệp định hợp tác văn hóa toàn diện ở nhiều cấp, trong đó chú trọng các Tập đoàn lớn, địa phương và doanh nghiệp tư nhân. Sự hợp tác càng được đẩy mạnh thì sức tiêu thụ văn hóa hai chiều và cơ hội tận dụng khai thác nguồn nhân sự hai bên càng cao. Việc hợp tác cùng nhau trong lĩnh vực này cũng định hướng tạo nên những sản phẩm văn hóa mới lạ về cả nội dung và thể loại, mang tính toàn cầu. Quan hệ văn hóa lúc này trở thành nền tảng đóng góp vào lợi ích, vị thế quốc gia và thúc đẩy một liên minh an ninh – kinh tế thực chất hơn.

Kịch bản thứ ba: Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ đẩy mạnh cạnh tranh. Đây là trạng thái giảm đi mức độ quan hệ khi văn hóa trở thành công cụ trả đũa và cạnh tranh lẫn nhau. Cụ thể, dựa trên lập luận CNHT và TTDT, để bảo vệ lợi ích quốc gia, văn hóa lúc này sẽ bị “an ninh hóa”. Mọi hợp tác song phương đều bị đóng băng tạo nên một thể hệ công chúng mang nhiều định kiến và thù hận. Sự cạnh tranh về tính chính danh lịch sử thể hiện rõ qua những thông tin truyền thông trên không gian mạng dẫn dắt dư luận, có thể dẫn đến việc công chúng tẩy chay văn hóa lẫn nhau trong thị trường nội địa. Chính phủ tiếp tục thúc đẩy các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân, cá nhân đồng lòng nâng cấp công nghiệp văn hóa để định vị sự cạnh tranh vị thế và ảnh hưởng văn hóa toàn cầu nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế của lĩnh vực này.

4.5. Khuyến nghị dành cho Việt Nam

Việt Nam vốn có nền văn hóa ngàn năm văn hiến mang giá trị nội sinh quan trọng nuôi dưỡng trí tuệ, tâm hồn và bản lĩnh người Việt. Công cuộc phát triển văn hóa luôn đi theo định hướng phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới. Theo Nghị quyết số 80 – NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam 07/01/2026, Bộ Chính trị hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh toàn

quốc song song với không gian số, chú trọng văn học và nghệ thuật gắn liền với lịch sử văn hóa dân tộc. Các di sản quốc gia được chú trọng phục hồi, bảo tồn bao gồm các di sản văn hóa phi vật thể và nghệ thuật truyền thống. Đặc biệt, công nghiệp văn hóa được đẩy mạnh phát triển tạo nên hệ sinh thái khởi nghiệp có tính nghệ thuật và sáng tạo tiêu chuẩn quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Từ thực tiễn quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong hơn hai thập kỷ qua, Việt Nam có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị nhằm xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển sức mạnh mềm quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ nhất, học từ Hàn Quốc và Nhật Bản để xây dựng thương hiệu quốc gia thông qua việc phát triển công nghiệp văn hóa.

Thứ hai, duy trì sự linh hoạt trong hợp tác văn hóa để trung hòa giữa Nhật Bản và Hàn Quốc.

Thứ ba, thúc đẩy quan hệ song phương Việt Nam - Nhật Bản và Việt Nam - Hàn Quốc thông qua hợp tác văn hóa.

Thứ tư, ngăn ngừa xung đột và các tác động tiêu cực khi mở rộng hợp tác văn hóa với Hàn Quốc và Nhật Bản.

KẾT LUẬN

Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong giai đoạn 2003 - 2024 phản ánh một tiến trình phức hợp, nơi hợp tác và cạnh tranh luôn song hành, nơi sức mạnh mềm được tận dụng tối đa để mở rộng ảnh hưởng nhưng đồng thời cũng không tránh khỏi những va chạm phát sinh từ lịch sử, an ninh và chủ nghĩa dân tộc. Đây là mối quan hệ đã thể hiện vai trò cầu nối giữa Chính phủ và người dân hai nước, góp phần làm giảm bớt những căng thẳng chính trị, hàn gắn các vết thương lịch sử và khôi phục kinh tế trước những cơn khủng hoảng tài chính toàn cầu. Dưới lăng kính các lý thuyết quan hệ quốc tế, bức tranh này cho thấy sự giao thoa của nhiều logic khác nhau: sức mạnh mềm trở thành động lực trung tâm, chủ nghĩa kiến tạo lý giải sự thay đổi bản sắc, chủ nghĩa tự do và tân tự do mở ra triển vọng hợp tác dựa trên lợi ích chung, trong khi chủ nghĩa hiện thực cùng tinh thần dân tộc luôn tiềm ẩn những rủi ro xung đột. Chính sự kết hợp này đã tạo nên một quan hệ song phương vừa hợp tác vừa đối kháng, phản ánh đặc thù của mối quan hệ giữa hai quốc gia láng giềng Đông Bắc Á.

1. Trong tiến trình này, sức mạnh mềm nổi lên như một nguồn lực quan trọng định hình diện mạo quan hệ văn hóa Hàn - Nhật. Nếu Nhật Bản chú trọng chiến lược “từ dưới lên trên” xây dựng hình ảnh một quốc gia yêu hòa bình, duy trì bền vững nền tảng văn hóa truyền thống đồng thời quảng bá qua Anime,

Manga, thì Hàn Quốc lại chọn chiến lược “từ trên xuống dưới” thương mại hóa văn hóa, lấy công nghiệp âm nhạc, phim ảnh và giải trí đại chúng làm trụ cột, tạo nên làn sóng Hallyu lan tỏa mạnh mẽ trên toàn cầu. Cả hai cùng khai thác văn hóa như công cụ ngoại giao mềm nhằm gia tăng sức hấp dẫn, cải thiện hình ảnh quốc gia và xây dựng vị thế trong môi trường quốc tế. Sự hấp dẫn này không chỉ góp phần gia tăng hiểu biết lẫn nhau mà còn tạo ra thế đối trọng trong cạnh tranh, khiến quan hệ văn hóa vừa hợp tác vừa mang tính cạnh tranh gay gắt.

2. Thực tế cho thấy, quan hệ văn hóa truyền thống, bảo tồn di sản, giao lưu nhân dân và trao đổi học thuật giữa Hàn Quốc và Nhật Bản mang đến hiệu quả trong việc hàn gắn vết thương lịch sử, “mềm hóa” các căng thẳng chính trị và xây dựng lòng tin giữa hai quốc gia. Với văn hóa đại chúng, sự bùng nổ của Hallyu tại Nhật Bản hay sự phổ biến của Manga, Anime tại Hàn Quốc không chỉ tạo nên thị trường tiêu thụ rộng lớn mà còn thúc đẩy cho công nghiệp văn hóa trở thành trụ cột kinh tế - đối ngoại của mỗi quốc gia và là một phần hữu hình của cấu trúc kinh tế sáng tạo Đông Á. Qua đó, những dự án hợp tác song phương đa dạng hình thức ngày càng được nâng cao quy mô cho phép hai quốc gia bổ sung cho nhau trong chiến lược phát triển văn hóa với những thành tựu về kinh tế và vị thế văn hóa trên thế giới. Hàn Quốc học hỏi kinh nghiệm bảo tồn văn hóa truyền thống, trao đổi học thuật, giao lưu nhân dân của Nhật, còn Nhật Bản lĩnh hội khả năng toàn cầu hóa sản phẩm văn hóa đại chúng từ Hàn Quốc. Đây là minh chứng sinh động cho sự biến đổi bản sắc theo logic của chủ nghĩa kiến tạo, khi mỗi quốc gia vừa giữ được nét riêng vừa linh hoạt điều chỉnh để thích ứng với toàn cầu hóa.

3. Dưới góc độ chủ nghĩa tự do và tân tự do, sự hợp tác trong lĩnh vực văn hóa truyền thống đã trưởng thành theo quỹ đạo từ thận trọng, dè chừng trong giai đoạn 2003 - 2015 sang mạnh dạn thể chế hóa, tạm gác quá khứ hướng đến tương lai giai đoạn 2015 - 2024. Các chương trình bảo tồn di sản, trao đổi văn hóa truyền thống, trao đổi học thuật, giao lưu nhân dân được thực thi thường xuyên gia tăng sự thấu hiểu lẫn nhau giữa người dân hai quốc gia. Từ tính chất ban đầu mang tính “biểu tượng hòa giải”, văn hóa truyền thống đã trở thành “nguồn lực hợp tác khu vực” tuân theo những chuẩn mực quốc tế và diễn đàn đa phương như UNESCO. Thiện cảm và niềm tin xã hội này trở thành nền tảng quan trọng để thúc đẩy hợp tác trong tương lai. Trong khi đó, văn hóa đại chúng là lĩnh vực mang lại lợi ích kinh tế thiết thực, thúc đẩy hợp tác qua việc mua bán sản phẩm, đồng sản xuất phim ảnh, âm nhạc bên cạnh những mâu thuẫn tồn đọng. Không chỉ thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người, các sản phẩm văn hóa này còn tạo ra nguồn thu khổng lồ, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội và ổn định chính trị trong nước. Nếu giai đoạn 2003 - 2015 hợp tác văn hóa đại chúng thiên về hướng một chiều khi Hàn Quốc đẩy mạnh xuất khẩu,

Nhật Bản tiếp nhận trong khi giữ lấy ưu thế ở các lĩnh vực Anime, Manga, trò chơi điện tử thì qua giai đoạn 2015 - 2024 đã chuyển sang mô hình liên kết hai chiều mang tính công nghiệp và nền tảng số. Sự trưởng thành trong quá trình hợp tác ở cả hai lĩnh vực từ hình thức giao lưu biểu tượng sang thể chế hóa, tương tác sâu sắc trong hệ sinh thái công nghiệp văn hóa góp phần tạo nền tảng xã hội bền vững cho quan hệ song phương hai quốc gia. Những lợi ích chung này đã kiến tạo nên sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc, tạo động lực cho Hàn Quốc và Nhật Bản hợp tác để củng cố vị thế “cường quốc văn hóa” trong khu vực. Từ đó cho thấy quan hệ văn hóa trở thành chất keo gắn kết, giúp hai quốc gia vượt qua những giới hạn về chính trị để tìm thấy điểm chung ở “lĩnh vực mềm” nhưng có giá trị kinh tế và xã hội lớn.

4. Tuy nhiên, không thể bỏ qua những rào cản xuất phát từ logic của chủ nghĩa hiện thực và tinh thần dân tộc. Lịch sử chiến tranh, tranh chấp lãnh thổ, những vấn đề nhạy cảm liên quan đến biểu tượng quốc gia hay nỗi sợ mang tên “xâm lược văn hóa” luôn khiến quan hệ văn hóa tiềm ẩn mâu thuẫn, đối kháng. Chỉ cần một bộ trang phục nghệ sĩ, một lời phát biểu hay một cảnh phim gợi nhớ quá khứ cũng có thể khơi dậy làn sóng phản ứng mạnh mẽ từ công chúng, thậm chí dẫn đến tẩy chay lẫn nhau. Điều này cho thấy, trong khi văn hóa có thể xóa nhòa khoảng cách, nó cũng có thể trở thành công cụ để khẳng định tinh thần dân tộc, bảo vệ lợi ích quốc gia. Bên cạnh đó, bước vào thời đại công nghệ số tạo điều kiện cho công nghiệp văn hóa trỗi dậy thành nền kinh tế mũi nhọn, xung đột giữa hai quốc gia ngày càng được xác định bởi lợi ích từ logic thị trường thay vì chỉ bởi ký ức lịch sử và tinh thần dân tộc như giai đoạn trước đây. Theo một góc nhìn khác, những xung đột trong quan hệ giữa Hàn Quốc và Nhật Bản là biểu hiện của sự cạnh tranh về bản sắc dân tộc, tính chính danh lịch sử và sâu rộng hơn là vị thế văn hóa ở khu vực và thế giới. Trong bối cảnh đó, thực tiễn cũng chứng minh rằng chính văn hóa lại góp phần làm dịu xung đột, đặc biệt ở thế hệ trẻ. Thanh niên Nhật Bản dưới 40 tuổi vẫn tiếp tục yêu thích văn hóa Hàn Quốc bất chấp quan hệ chính trị song phương có lúc xấu đi, trong khi người Hàn Quốc trẻ tuổi cũng ngày càng quan tâm đến văn hóa Nhật, từ truyền thống đến đại chúng. Điều này phản ánh sự trưởng thành tương đối của quan hệ văn hóa Hàn - Nhật, khi hai bên ngày càng nhận thức rõ hợp tác văn hóa và học thuật là những điều kiện cần thiết để ngăn chặn những xung đột chính trị có nguy cơ làm đổ vỡ nền tảng xã hội của quan hệ song phương.

5. Từ bức tranh tổng thể trên, dựa trên sự biến động của Tình hình an ninh – chính trị quốc tế và khu vực, Tư tưởng lãnh đạo của Chính phủ và Sự tiếp nhận văn hóa hai chiều của công chúng hai quốc gia, có thể hình dung nên ba Kịch bản của quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong tương lai,

Thứ nhất, Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ cân bằng giữa hợp tác và cạnh tranh. Đây là trạng thái cân bằng để duy trì nguyên trạng quan hệ với mục đích kết nối xã hội, đảm bảo lợi ích, nhưng không giải quyết triệt để các rạn nứt về các vấn đề chính trị- lịch sử. Sự hợp tác văn hóa truyền thống duy trì với vai trò ngoại giao cơ bản cùng sự hưởng ứng hai chiều về văn hóa đại chúng bùng nổ trong thời đại số. Sự cạnh tranh nhằm giữ vững thế đối trọng về công nghiệp văn hóa, bảo vệ sản phẩm quốc nội và chọn lọc các sản phẩm ngoại nhập liên quan vấn đề lịch sử-lãnh thổ. Thứ hai, Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ đẩy mạnh hợp tác. Đây là trạng thái tích cực nhất khi vượt qua những ký ức lịch sử, định hướng xây dựng một liên minh văn hóa chung khu vực Đông Bắc Á. Chính phủ hoàn toàn đoạn tuyệt với định kiến quá khứ, xóa bỏ mọi rào cản, thể chế hóa mạnh mẽ các thỏa thuận hợp tác. Việc hợp tác tạo nên những sản phẩm đột phá, mới lạ đóng góp vào lợi ích, vị thế quốc gia để thúc đẩy liên minh an ninh – kinh tế thực chất hơn. Thứ ba, Quan hệ văn hóa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ đẩy mạnh cạnh tranh. Đây là trạng thái giảm đi mức độ quan hệ khi văn hóa trở thành công cụ trả đũa và cạnh tranh lẫn nhau. Xung đột chính trị, lãnh thổ đỉnh điểm khiến hợp tác song phương đóng băng tạo nên thế hệ công chúng mang nhiều thù hằn, tẩy chay văn hóa lẫn nhau. Để bảo toàn lợi ích kinh tế ngành công nghiệp văn hóa, hai quốc gia cạnh tranh thị phần gay gắt trên toàn cầu. Nhìn nhận lại các yếu tố tác động hiện tại thì Kịch bản thứ nhất có khả năng xảy ra nhiều nhất.

6. Bối cảnh đó, Việt Nam cần chủ động xây dựng chiến lược cân bằng quan hệ văn hóa với cả Nhật Bản và Hàn Quốc - hai đối tác chiến lược toàn diện. Sáng kiến “Đồng sáng tạo văn hóa Nhật - Hàn - Việt” có thể trở thành một bước đi quan trọng, vừa góp phần cân bằng hợp tác ba bên, vừa nâng cao năng lực sáng tạo nội địa của Việt Nam. Thông qua việc kết hợp kinh nghiệm bảo tồn truyền thống của Nhật Bản và khả năng thương mại hóa toàn cầu của Hàn Quốc, Việt Nam có thể phát triển công nghiệp văn hóa mang bản sắc riêng, với quy mô quản lý các cấp bao gồm tập đoàn, khu công nghiệp và mô hình kinh doanh về văn hóa tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời gia tăng xuất khẩu văn hóa. Việc đặt các trụ sở truyền thông trực tiếp tại Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ giúp sản phẩm văn hóa Việt thâm nhập sâu hơn vào thị trường khu vực, quảng bá thương hiệu quốc gia và mở rộng tầm ảnh hưởng và khẳng định vai trò của Việt Nam trong cấu trúc văn hóa - kinh tế Đông Á. Và quan trọng, Việt Nam cần hài hòa trong việc mở cửa giao lưu văn hóa với Hàn Quốc và Nhật Bản đồng thời nâng cao năng lực nền công nghiệp văn hóa song song với giữ vững quan điểm về các giá trị văn hóa, lịch sử quốc gia đảm bảo một sự hợp tác bền vững. Điều này ngăn ngừa nguy cơ xung đột và các tác động tiêu cực đến sự phát triển nền văn hóa nội tại cũng như tiếp nhận “văn hóa ngoại lai” đúng đắn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2025), “Sự phát triển và truyền bá văn hóa truyền thống của Nhật Bản từ đầu thế kỷ thứ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa* số 3 (53), tr. 43-57.
2. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2023), "Development orientation for Vietnam's cultural diplomacy based on the strategy and achievements of cultural diplomacy in south Korea-Japan relations", *Kỷ yếu khoa học của Hội thảo khoa học quốc tế: Việt Nam - Hàn Quốc 30 năm hợp tác, phát triển*, Trường Đại học Ngoại ngữ và Tin học Tp. Hồ Chí Minh, NXB Thông tin và Truyền thông, tr. 52-61.
3. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2023), “Mutual impacts of South Korea & Japan on popular culture in the 21st century from both positive & negative viewpoints”, *Kỷ yếu khoa học của Hội thảo khoa học quốc tế: 2023 International graduate research symposium*, , Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Vietnam National University Press, Volume 1, tr. 188-195
4. Phạm Thị Yên & Nguyễn Thị Thanh Hoa (2024), “Japans’ strategic autonomy in the Indo – Pacific from a soft power perspective: Prospect of Vietnam – Japan Relations”. *Kỷ yếu khoa học của Hội thảo khoa học quốc tế: The International Academic Conference: Sustainable Trade Development: 2024 Cross – Culture Management and Corporate Social Responsibility*, Chihlee University of Technology, Taiwan, tr. 289-306.
5. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2025), “Popular culture cooperation: sustainable or temporary progress in Korea-Japan relations”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Regional and sub-regional cooperation in East and Southeast Asia: Toward a sustainable and innovative future*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội, NXB Thế giới, tr. 125-145.
6. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2025), “Content industry: South Korea's strategy in maintaining and developing cultural position on the global stage”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: The third International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. tr. 510-532.
7. Nguyễn Thị Thanh Hoa (2026), “Lễ hội giao lưu văn hóa: Chiến lược ngoại giao văn hóa bền vững giữa Nhật Bản và Việt Nam giai đoạn 2009-2024”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật* (642), pp. 50-55.